

# PEPEVIT

Viên nén

## CÔNG THỨC:

Vitamin PP 50 mg  
Tá dược vừa đủ 1 viên nén

## CHỈ ĐỊNH:

Điều trị bệnh Pellagra.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn với Vitamin PP.
- Bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển.
- Xuất huyết động mạch và hạ huyết áp nặng.

## THẬN TRỌNG:

Khi dùng Vitamin PP liều cao cần thận trọng cho những trường hợp sau:

- Tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, bệnh gan.
- Bệnh gút, viêm khớp do gút.
- Bệnh đái tháo đường.

## TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Không dùng vitamin PP đồng thời với:
  - Chất ức chế men khử HGM-CoA vì làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân.
  - Thuốc chẹn alpha-adrenergic vì có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức.
  - Các thuốc có độc tính đối với gan vì làm tăng độc hại cho gan.
  - Carbamazepin vì làm tăng nồng độ của carbamazepin trong huyết tương gây tăng độc tính.

## SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Dùng được cho phụ nữ có thai và cho con bú.

## TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Thuốc không ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

## TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Khi sử dụng liều cao có thể xảy ra các tác dụng phụ nhưng sẽ hết sau khi ngừng thuốc:

### \* Thường gặp:

- Tiêu hóa: Buồn nôn.
- Khác: Đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rát bỏng, buốt hoặc đau nhói ở da.

### \* Ít gặp:

- Tiêu hóa: Loét dạ dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đói, đầy hơi, tiêu chảy.
- Da: Khô da, tăng sắc tố, vàng da.
- Chuyển hóa: Suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến bã nhờn, bệnh gút nặng thêm.

- Khác: Tăng glucose huyết, tăng uric huyết, cơn phế vị- huyết quản, đau đầu và nhìn mờ, hạ huyết áp, chóng mặt, tim đập nhanh.  
Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

#### **CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LÝ :**

##### **Các đặc tính dược lực học:**

Vitamin PP (Nicotinamid) là vitamin nhóm B, tan trong nước. Trong cơ thể Vitamin PP thực hiện chức năng sau khi chuyển thành nicotinamid adenin dinucleotid (NAD) hoặc nicotinamid adenin dinucleotid phosphat (NADP). NAD và NADP có vai trò rất quan trọng trong chuyển hóa, như là một coenzym có tác dụng như những phân tử vận chuyển hydro, xúc tác các phản ứng oxy hóa khử cần thiết cho hô hấp tế bào, phân giải glycogen và chuyển hóa lipid.

##### **Các đặc tính dược động học:**

- Hấp thu: Sau khi uống, Vitamin PP được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa, phân bố rộng khắp vào các mô cơ thể và qua được sữa mẹ.
- Chuyển hóa: Thời gian bán thải của Vitamin PP khoảng 45 phút. Vitamin PP được chuyển hóa ở gan thành N-methylnicotinamid, các dẫn chất 2-pyridon, 4-pyridon và tạo thành nicotinuric.
- Đào thải: Vitamin PP được thải trừ qua đường tiểu. Với liều thông thường, chỉ một lượng nhỏ vitamin PP bài tiết vào nước tiểu ở dạng không thay đổi. Tuy nhiên, với liều lớn thì lượng thuốc bài tiết dưới dạng không thay đổi sẽ tăng lên.

##### **QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ:**

Quá liều, không có biện pháp giải độc đặc hiệu. Sử dụng các biện pháp thông thường như gây nôn, rửa dạ dày, điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

##### **LIỀU DÙNG:**

Theo sự hướng dẫn của thầy thuốc, trung bình:

- **Người lớn:** 6 - 10 viên/ ngày, chia làm 3 lần.  
Liều tối đa 30 viên/ ngày, chia làm 3 - 10 lần.
- **Trẻ em:** 2 - 6 viên/ ngày, chia làm 3 lần.

**Trình bày:** Hộp 30 chai x 60 viên. Hộp 20 chai x 100 viên

**Điều kiện bảo quản:** Ở nhiệt độ không quá 30°C, nơi khô ráo, tránh ánh sáng

**Hạn dùng:** 48 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Sản xuất:** Theo TCCS.

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC TRƯỚC KHI DÙNG  
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN THẦY THUỐC**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9 - NADYPHAR**

ĐT: (028) 38687355. FAX: 84.28.38687356

NHÀ MÁY: 930 C4, đường C, KCN Cát Lái, cụm 2, P.Thạnh Mỹ Lợi, Q.2, TP. HCM